

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HS-PT

Ngày: 04-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Tinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2018/HSPT ngày 19 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Đào Duy P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2018/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đào Duy P, sinh ngày 04 tháng 01 năm 1998 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp x, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Duy A, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1977; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2017 cho đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Duy P là người đã thành niên quen biết và nảy sinh tình cảm yêu thương với Nguyễn Đoàn T, sinh ngày: 17/01/2003. Vào tháng 01/2017, P và T đến quán cà phê T thuộc ấp Nghĩa H, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre vào chung một chòi lá có mắc võng bên trong để uống nước. Tại đây, P xin giao cấu với T. Lúc đầu, T không đồng

ý nhưng sau đó đã đồng ý và P đã thực hiện hành vi giao cấu với T. Từ đó, trong thời gian từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2017, P và T tiếp tục giao cấu với nhau nhiều lần tại nhà nghỉ Bảo N thuộc ấp Nghĩa H, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 269-1117/TD ngày 09/11/2017, của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bến Tre đối với Nguyễn Đoàn T: màng trinh vị trí 03 giờ, 09 giờ có dấu rách cũ gần đến chân màng trinh; T không có thai.

Trong quá trình điều tra, Đào Duy P đã khai nhận toàn bộ hành vi giao cấu của mình nêu trên. Riêng Nguyễn Đoàn T khai trong thời gian giao cấu vào khoảng tháng 6/2017, T mua que thử thai và biết có thai. T nhắn tin cho P biết là T có thai, P có hỏi T cái thai đó là của ai, còn việc T có thai với ai thì P không biết. T tự đi đến tiệm thuốc tại thành phố Bến Tre để mua thuốc phá thai. Quá trình xác minh, không đủ cơ sở để chứng minh Đào Duy P thực hiện hành vi giao cấu với Nguyễn Đoàn T dẫn đến T có thai.

Đào Duy P nhờ bà Phạm Thị T (mẹ ruột của P) thỏa thuận bồi thường thiệt hại với số tiền là 15.000.000 đồng cho T xong. T và gia đình có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Đào Duy P và không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2018/HS-ST ngày 14/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đào Duy P phạm “Tội giao cấu với trẻ em”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Đào Duy P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 26-03-2018 bị cáo Đào Duy P kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

- Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đào Duy P phạm

“Tội giao cấu với trẻ em” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật, mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là tương xứng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết mới có ý nghĩa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Đào Duy P 02 năm 06 tháng tù về “Tội giao cấu với trẻ em”, thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2017. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo phát biểu ý kiến: xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đào Duy P thừa nhận đã thực hiện hành vi giao cấu với Nguyễn Đoàn T 01 lần tại quán cà phê T và 04 lần bị cáo với bị hại đến nhà nghỉ Bảo N thực hiện hành vi giao cấu mà mỗi lần bị cáo giao cấu với bị hại từ 01 đến 02 lần nhưng bị cáo không nhớ rõ, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, có cơ sở xác định: thời gian từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2017, Đào Duy P là người đã thành niên thực hiện hành vi giao cấu với Nguyễn Đoàn T, sinh ngày 17/01/2003 tại quán cà phê T và nhiều lần tại nhà nghỉ Bảo N thuộc ấp Nghĩa H, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre. Với ý thức, hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đào Duy P phạm “Tội giao cấu với trẻ em” với tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội nhiều lần*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù trước khi phạm tội bị cáo là công dân tốt, chưa vi phạm pháp luật; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải nên đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong thiệt hại cho bị hại với số tiền 15.000.000 đồng, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại cũng xin giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên; xét thấy bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng đã lợi dụng sự ngây thơ, thiếu hiểu biết của bị hại để nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với bị hại một cách trái pháp luật trong khi bị hại có độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về tình dục, danh dự, nhân phẩm của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý cũng như về tinh thần cho bị hại, hiện tại bị hại đã nghỉ học. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp giấy chứng nhận hộ cận nghèo; giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh của bà cố tên Dương Thị C; giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ của ông cậu tên Nguyễn Văn T; Huân chương kháng chiến hạng ba và Tổ Quốc ghi công của ông cậu tên Nguyễn Văn T; Huân chương kháng chiến hạng nhì của bà cố ngoại tên Lý Thị T và Quyết định xuất ngũ của cha là ông Đào Duy A để yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy; giấy chứng nhận hộ cận nghèo đã hết hạn vào ngày 31/12/2017 và Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre xác nhận năm 2018 hộ ông Đào Duy A (cha bị cáo) thoát nghèo; không có xác nhận về mối quan hệ giữa bị cáo với bà Dương Thị C nên không có cơ sở để xem xét; đối với ông Nguyễn Văn T và bà Lý Thị T là người có công với đất nước nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo do cho rằng không phù hợp với quy định của pháp luật về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí: căn cứ vào Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Đào Duy P phải nộp án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đào Duy

P; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 04/2017/HS-ST ngày 14-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Đào Duy P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội giao cấu với trẻ em”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2017.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Đào Duy P phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Giồng Trôm (1b);
- Công an huyện Giồng Trôm (1b);
- Nhà tạm giữ Công an huyện Giồng Trôm, bị cáo (2b);
- TAND huyện Giồng Trôm (3b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- UBND xã H – huyện G (1b);
- Vụ GĐKT I TANDTC (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Tôn Văn Thông